

Chính sách tiền tệ (CSTT) quốc gia là một bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế tài chính nhà nước, nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiềm chế lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Về phương diện lý thuyết, trong quá trình hoạch định cũng như khi điều hành thực thi chính sách tiền tệ, các cơ quan chức năng (thường là ngân hàng trung ương ở mỗi nước) đều phải hướng tới, nhằm đạt được những mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Ổn định tiền tệ,
- Ổn định giá cả,
- Kiểm chế lạm phát,
- Tạo thêm công ăn việc làm cho dân chúng,

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Những mục tiêu này có quan hệ chặt chẽ, đan xen lẫn nhau. Đồng thời, chúng cũng có những biểu hiện của sự tác động ức chế lẫn nhau. Chẳng hạn, nếu quá chú trọng thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, sẽ rất khó có thể mở rộng đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm cho dân chúng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, tại một thời điểm nhất định, khó có thể đạt được tất cả các mục tiêu kỳ vọng của chính sách tiền tệ.

Ổn định tiền tệ là một trong những mục tiêu rất quan trọng của chính sách tiền tệ quốc gia.

Có thể nói rằng, ổn định tiền tệ là hoạt động nhằm đảm bảo giữ vững giá trị của đơn vị tiền tệ, bao gồm cả giá trị đối nội và giá trị đối ngoại của nó.

Giá trị đối nội của đồng tiền, được biểu hiện và đo lường bởi mức giá cả chung trong nước. Sự biến động của nó ngược chiều với biến động của giá cả. Do vậy, muốn bảo vệ giá trị đối nội của đồng tiền, CSTT phải nhằm đảm bảo mức vật giá chung được ổn định. Mọi sự gia tăng hay giảm sút quá mức của giá cả đều gây nên những biến động rất lớn đối với giá trị tiền tệ.

Còn giá trị đối ngoại của đồng tiền, lại được biểu hiện và đo lường thông qua tỷ giá hối đoái. Tỷ giá hối đoái chính là đại lượng biểu hiện sự tương quan về giá trị giữa 2 đồng tiền. Như vậy, giá trị thực của đồng nội tệ so với một ngoại tệ nào đó, là một đại lượng biến đổi ngược chiều với tỷ giá hối đoái. Cho đến nay, trên thế giới vẫn tồn tại hai phương pháp biểu hiện tỷ giá. Theo đó, phương pháp thứ nhất, dùng một số lượng biến đổi đơn vị tiền trong nước để biểu hiện giá trị của một đơn vị cố định tiền nước ngoài. Còn với phương pháp thứ hai thì ngược lại, dùng một số lượng biến đổi đơn vị tiền nước ngoài để biểu hiện giá trị của một đơn vị cố định tiền trong nước.



CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VỚI VIỆC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁ GIÁ TIỀN TỆ

TS. LÊ TUYẾT HOA
& NAM PHƯƠNG

Vậy, nếu theo phương pháp thứ nhất, khi tỷ giá tăng, giá trị thực của nội tệ giảm và ngược lại, khi tỷ giá giảm, giá trị thực của nội tệ tăng.

Chẳng hạn, diễn biến tỷ giá thực tế giữa USD và VND thời gian qua như sau:

Tháng 8.1998: 12.996

Tháng 8.1999: 13.976

Qua đó ta thấy tỷ giá tăng đã làm giá trị thực của VND bị sụt giảm so với USD, sau một năm là 7,54%.

Sự biến động của tỷ giá chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế; mức độ lạm phát; tương quan cung cầu ngoại tệ trên thị trường...trong đó có yếu tố khối lượng tiền cung ứng thuộc CSTT quốc gia.

Thật vậy, bằng việc thay đổi khối lượng tiền cung ứng trong CSTT, ngân hàng trung ương có thể làm tăng hoặc giảm giá trị đồng nội tệ. Cụ thể là:

- Trong trường hợp CSTT nới rộng, khối lượng tiền cung ứng tăng lên, dẫn tới sẽ có quá nhiều đơn vị nội tệ so với một đơn vị ngoại tệ, nói cách khác, chỉ cần 1 lượng ngoại tệ ít hơn để đổi lấy một đơn vị nội tệ. Như vậy giá trị nội tệ đã bị giảm.

- Ngược lại, trong trường hợp CSTT thắt chặt, giảm khối lượng tiền cung ứng, dẫn tới đồng nội tệ trở nên khan hiếm hơn, vì thế lại cần có nhiều ngoại tệ hơn, để đổi lấy một đơn vị nội tệ. Vậy, giá trị đồng nội tệ lại được gia tăng.

Qua đó ta thấy, rõ ràng là quá trình thực thi chính sách tiền tệ luôn tạo nên những tác động trực tiếp tới sự biến động của tỷ giá. Vì vậy, trong quá trình điều hành thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương thường rất thận trọng trước những

quyết định liên quan trực tiếp tới việc bơm thêm hoặc rút khối lượng tiền trong lưu thông, sao cho không gây nên những biến động lớn về tỷ giá hối đoái. Như vậy, ổn định tỷ giá gắn liền với ổn định tiền tệ và có thể coi quan hệ giữa chúng như hai mặt của một thực thể thống nhất. Ổn định tỷ giá nhằm hướng tới mục tiêu ổn định tiền tệ. Và khi tiền tệ được ổn định, đến lượt nó, lại tạo ra cơ sở cho một tỷ giá ổn định.

Để ổn định tỷ giá, có thể sử dụng nhiều biện pháp như chính sách hối đoái; chính sách lãi suất; quỹ bình ổn hối đoái... và kể cả việc phá giá đồng tiền.

Phá giá tiền tệ là việc nhà nước quyết định chính thức mức độ giảm giá đồng tiền nước mình so với một ngoại tệ (hoặc một rổ ngoại tệ) nào đó. Trong thực tế, nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Anh, Nhật... đã sử

khán hiểm hơn của ngoại tệ, cùng với sự gia tăng của nội tệ sẽ đẩy tỷ giá tăng lên.

Sự khan hiếm ngoại tệ với giá tăng cao của nó trên thị trường, sẽ làm cho xuất khẩu trở nên có lãi hơn, tạo yếu tố kích thích xuất khẩu; ngược lại; giá hàng nhập khẩu trở nên đắt hơn, khiến cho nhu cầu đối với hàng nhập khẩu giảm xuống.

Nét xét về phương diện ngắn hạn, điều ngược lại cũng hoàn toàn đúng. NHTW cũng có thể làm tăng giá bản tệ, bằng cách làm cho lượng ngoại tệ cung ứng trở nên dồi dào hơn, so với cung ứng nội tệ, làm cho tỷ giá giảm, làm giảm mức độ lạm phát. Đương nhiên, trạng thái này của tỷ giá sẽ gây nên tác động làm hạn chế xuất khẩu, kích thích nhu cầu nhập khẩu.

Về phương diện này, có thể coi phá giá như là một công cụ hữu hiệu,

giá, ổn định tiền tệ, tương đương như phương châm sử dụng thuốc trị bệnh trong dân gian là "lấy độc để trị độc".

Tóm lại, có thể nhận thấy rằng giữa CSTT với ổn định và phá giá tiền tệ có mối quan hệ hữu cơ với nhau như sau:

- Vấn đề phá giá tiền tệ có thể được thực hiện thông qua việc điều hành các công cụ thực thi CSTT của ngân hàng trung ương như: tái cấp vốn, lãi suất, dự trữ bắt buộc, thị trường mở...

- Phá giá tiền tệ thành công sẽ đạt được mục tiêu ổn định tỷ giá, ổn định tiền tệ, kích thích xuất khẩu, góp phần tăng trưởng kinh tế.

- Tuy nhiên, phá giá tiền tệ cũng có thể để lại hậu quả khó tránh khỏi cho nền kinh tế, đó là tình trạng lạm phát. Từ đó sẽ có thể làm triệt tiêu một số mục tiêu định hướng của CSTT.



dụng công cụ phá giá tiền tệ như một biện pháp, nhằm trực tiếp cải thiện tình trạng thiếu hụt của cán cân thanh toán quốc tế song phương, tiến tới mục tiêu ổn định tiền tệ và tăng trưởng kinh tế của họ.

Phá giá tiền tệ nhằm hướng tới mục tiêu ổn định tỷ giá, ổn định tiền tệ. Nó có thể được thực hiện trong quá trình thực thi CSTT.

Thực vậy tại một thời điểm nhất định, khi nhà nước quyết định phá giá đồng nội tệ so với 1 ngoại tệ (hoặc một rổ ngoại tệ) nào đó, thì ngân hàng trung ương sẽ thực thi những biện pháp nghiệp vụ cần thiết để thắt chặt cung ứng ngoại tệ trong tương quan với cung ứng nội tệ. Lúc này, sự

để cải thiện tình trạng thiếu hụt trong cán cân thương mại, cán cân thanh toán quốc tế song phương, tạo tiền đề ổn định tỷ giá trên một bình diện mới, với những nhân tố cấu thành thuận lợi hơn.

Như vậy, nhìn bề ngoài, phá giá tiền tệ hình như có sự mâu thuẫn với ổn định tiền tệ. Nhưng thực ra không có sự mâu thuẫn, nếu chúng ta đứng trên giác độ lâu dài. Bởi lẽ, trước mắt, tại chính thời điểm phá giá, giá trị đồng nội tệ bị sụt giảm, gây nên sự bất ổn định tiền tệ. Tuy nhiên, chính sự bất ổn định này sẽ tạo cơ sở cho sự ổn định tiền tệ mới, vững chắc hơn. Ở đây ta có thể tạm so sánh cơ chế phá giá tiền tệ với mục tiêu ổn định tỷ

Vì vậy, để có thể sử dụng một cách hiệu quả công cụ phá giá tiền tệ, cần nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình hiện tại và dự đoán xu hướng tương lai, đối với tất cả các yếu tố liên quan về kinh tế, chính trị, xã hội... trong nước, trong khu vực cũng như trên thế giới. Từ đó mới có thể đưa ra một phương án phá giá khả thi, cả về mức độ, thời điểm, biện pháp thực thi...

Có thể hình dung, việc sử dụng công cụ phá giá tiền tệ trong quá trình điều hành thực thi CSTT của NHTW cũng tương tự như khi ta sử dụng "con dao hai lưỡi". Hãy hết sức thận trọng khi cần phải sử dụng nó, để có thể hạn chế tối đa mặt tiêu cực của nó ■